

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2024

V/v “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Nam Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hà**

2. Bà **Vũ Thị Định**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Lê Hiền Băng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLST - HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ H**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: **A D, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tất T**, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: **Tổ F, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2023, bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn bà **Phạm Thị Mỹ H** yêu cầu như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên vào năm 1997 ông **T** và bà **H** kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã **K** (nay là thị trấn **K**), huyện **M**, tỉnh **Gia Lai** cấp ngày 15 tháng 8 năm 1997. Thời gian đầu của cuộc hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2018 tình cảm vợ chồng mâu thuẫn rất nghiêm trọng, không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống hôn nhân không thể giữ được nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm giữa bà và ông **T** đã hết. Vì cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông **T** không thể tiếp tục về chung sống với nhau được nữa, mục

đích của hôn nhân không đạt được. Nên bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn Tất T**

- Về con chung: bà **H** và ông **T** có 03 con chung là **Nguyễn Tiến Đ**, sinh ngày: 26/10/1997, **Nguyễn Mạnh T1**, sinh ngày: 14/10/2000 và **Nguyễn Phạm Ngọc H1**, sinh ngày: 26/12/2014. Hai cháu **Nguyễn Tiến Đ** và **Nguyễn Mạnh T1** đã trưởng thành và tự lập được nên không có yêu cầu gì. Còn cháu **Nguyễn Phạm Ngọc H1** ly hôn bà **H** sẽ nuôi con là **Nguyễn Phạm Ngọc H1** và không yêu cầu ông **T** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà **H** và ông **T** tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tất T trong Bản tự khai cũng như tại phiên tòa trình bày như sau:

Vợ chồng ông chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 1997 tại **UBND xã K**. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có một số mâu thuẫn nhỏ vì bất đồng quan điểm. Tuy nhiên không đến mức trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn vì vậy bà **Phạm Thị Mỹ H** có yêu cầu xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

- Về con chung: có 03 con chung là **Nguyễn Tiến Đ**, **Nguyễn Mạnh T1** và **Nguyễn Phạm Ngọc H1**. Hai cháu lớn đã trưởng thành, còn cháu nhỏ hiện nay đang ở với mẹ. Nguyễn vọng của ông không muốn ly hôn và cùng chung tay nuôi dạy các con trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông **T** không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân và thẩm quyền giải quyết:* Bà **Phạm Thị Mỹ H** và ông **Nguyễn Tất T** kết hôn vào năm 1997 có đăng ký theo quy định pháp luật. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 05 do **UBND xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai** cấp ngày 15/3/1997 mà nguyên đơn đã giao nộp. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Quá trình thụ lý vụ án xác định ông **Nguyễn Tất T** cư trú tại **Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai**. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

[2] *Về mâu thuẫn gia đình:* Theo trình bày của đương sự và xác minh tại địa phương, nhận thấy trong quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Hiện cả hai đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đối với ông **Nguyễn Tất T** mặc dù nguyện vọng ông không muốn ly hôn để vợ chồng cùng chăm sóc con chung, nhưng các lần hòa giải Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần

mà ông vẫn không đến tham gia phiên hòa giải, điều đó chứng tỏ ông không có sự thiết tha với việc hàn gắn tình cảm gia đình như những gì ông đã trình bày và yêu cầu tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ hai phía, tuy nhiên các bên không tìm cách khắc phục mà để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, thời gian ly thân đã kéo dài, cuộc sống chung thực tế đã không còn tồn tại, tình cảm giữa vợ chồng đã thực sự rạn nứt, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà **Phạm Thị Mỹ H** được ly hôn với ông **Nguyễn Tất T** theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: bà **H** và ông **T** có 03 con chung là **Nguyễn Tiến Đ**, sinh ngày: 26/10/1997, **Nguyễn Mạnh T1**, sinh ngày: 14/10/2000 và **Nguyễn Phạm Ngọc H1**, sinh ngày: 26/12/2014. Hai cháu **Nguyễn Tiến Đ** và **Nguyễn Mạnh T1** đã trưởng thành và tự lập được nên không có yêu cầu gì. Còn cháu **Nguyễn Phạm Ngọc H1** bà **H** yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, ông **T** có nguyện vọng mong muốn được nuôi cháu **Nguyễn Phạm Ngọc H1**, nhưng xét thấy từ năm 2018 cho đến nay cháu **H1** sinh sống, học tập ổn định với bà **H** và có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ông **T**, bà **H** ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp.

[4] *Về tài sản riêng, tài sản chung và công nợ chung*: Không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung của bà **Phạm Thị Mỹ H**.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho bà **Phạm Thị Mỹ H** được ly hôn với ông **Nguyễn Tất T**.

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu **Nguyễn Phạm Ngọc H1**, sinh ngày: 26/12/2014 cho bà **Phạm Thị Mỹ H** trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông **Nguyễn Tất T** không phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà **Phạm Thị Mỹ H** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0011010 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà **Phạm Thị Mỹ H** đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2024), các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Mang Yang (khi án có hiệu lực);
- UBND thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (khi án có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Nam Trung